

Bản án số: 812/2023/HS-PT

Ngày 20 – 10 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán:

Ông Phạm Văn Công

Ông Nguyễn Văn Minh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 506/2023/TLPT-HS ngày 12 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Thị Th và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2023/HS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Phạm Thị Th (tên gọi khác: **Phạm Thị Ng**), sinh năm 1958 tại Thành phố Hà Nội; nơi ĐKTT: CĐA, xã TH, huyện TT, Thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: Ấp RH, xã HN, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Nội trợ; giới tính: Nữ; con ông Phạm Văn D (chết) và bà Phạm Thị S (chết); có chồng là Đặng Mạnh H (đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 1992; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 16/6/2022 đến ngày 25/6/2022; bị cáo tại ngoại, (*vắng mặt*).

- **Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Th:** Ông Nguyễn Sa L – Luật sư làm việc tại Văn phòng Luật sư GL, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 128 HH, Phường 5, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh, (*có mặt*).

2. Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1992 tại tỉnh Thanh Hoá; nơi ĐKTT: Thôn HT, xã TH, huyện TT, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Ấp RH, xã HN,

thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L1; có vợ là Nguyễn Thị H1 và có 01 người con sinh năm 2021; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 16/6/2022 đến ngày 25/6/2022; bị cáo tại ngoại, (có mặt).

3. Lê Hải Ph, sinh năm 1988 tại tỉnh Yên Bái; nơi ĐKTT: Khu phố 7A, phường LB, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: Ấp RH, xã HN, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Lê Hồng M và bà Nguyễn Thị D1; có vợ là Đào Thị D2 và có 02 người con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 16/6/2022 đến ngày 25/6/2022; bị cáo tại ngoại, (vắng mặt).

4. Trần Ngọc D3, sinh năm 1984 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Tổ 3, phường MT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái; chỗ ở hiện nay: Ấp RH, xã HN, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Xây dựng; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Trần Ngọc M1 và bà Đinh Thị D4; có vợ là Đinh Thị Th2 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 16/6/2022 đến ngày 25/6/2022; bị cáo tại ngoại, (có mặt).

5. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn ST, xã YS, huyện QO, Thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: Ấp RH, xã HN, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Quốc Tr và bà Đỗ Thị T1; có vợ là Trần Thị Th3 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 16/6/2022 đến ngày 25/6/2022; bị cáo tại ngoại, (có mặt).

- *Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm:*

+ *Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:* **Nguyễn Huy C**, sinh năm 1981; nơi ĐKTT: Khu phố VD, phường PT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai, chỗ ở hiện nay: Ấp RH, xã HN, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang, (vắng mặt).

+ *Bị hại không có kháng cáo:* Ông Đỗ Minh Q, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 2, ấp CT, xã CD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang, (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu cần tiền nên vào ngày 24/11/2021, ông Đỗ Minh Q đồng ý thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất tọa lạc tại Tổ 2, ấp CTN, xã CD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang (thửa đất số 727, tờ bản đồ số 32, diện tích 128,7m²) trên đất có 01 căn nhà cấp 4 cho Phạm Thị Th với số tiền là 1.300.000.000 đồng, lãi suất 39.000.000 đồng/tháng, tương đương là 3% tháng. Để đảm bảo cho việc ông Q trả nợ, ngày 24/11/2021 hai bên thống nhất đến Văn phòng Công chứng NK ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên với giá 1.300.000.000 đồng. Đồng thời, hai bên ký một văn bản thỏa thuận là Phạm Thị Th cho ông Q thuê lại căn nhà với giá 39.000.000 đồng/tháng, thực chất đây là tiền đóng lãi thế chấp căn nhà. Sau khi ký hợp đồng, Phạm Thị Th chỉ chuyển cho ông Đỗ Minh Q số tiền 1.183.000.000 đồng, với lý do là thu trước 02 tháng tiền nhà là 78.000.000 đồng và phí môi giới cầm cố 3% là 39.000.000 đồng. Đến tháng 02/2022, do ông Q không có tiền đóng lãi nên Th đã nhiều lần yêu cầu ông Q cùng gia đình ra khỏi nhà để trả lại căn nhà cho Th nhưng ông Q không đồng ý. Đến ngày 18/5/2022, Th tiến hành làm thủ tục biến động sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

Ngày 16/6/2022, Th kêu Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Th1, Lê Hải Ph, Trần Ngọc D3, Nguyễn Huy C và ông S.A.R (quốc tịch Đức) đi đến nhà ông Q để dọn đồ và đuổi những người trong nhà ra khỏi nhà, buộc ông Q giao nhà. Ông S.A.R điều khiển xe ô tô Mazda màu trắng biển số 30E-44064 chở theo Th, D3, T; Nguyễn Huy C điều khiển xe ô tô Chevrolet màu đen biển số 60A-48347 chở theo Th1, Ph xuất phát từ ấp RH, xã HN, thành phố PQ đi đến nhà ông Q. Khi đến nơi thì nhà ông Q khóa cửa, ông Q ở trong nhà cùng một số người thân. Lúc này, Th yêu cầu ông Q dọn hết đồ đạc ra khỏi nhà, để giao nhà cho Th vì căn nhà đã chuyển nhượng cho Th. Ông Q không đồng ý dọn ra vì căn nhà chỉ là thế chấp cho Th. Sau đó hai bên xảy ra cự cãi một lúc thì Th lấy kìm cộng lực để cắt ổ khóa nhà ông Q, đồng thời kêu những người đi cùng lấy xà beng cạy cửa. Th cắt ổ khóa không được thì có D3 và Ph vào tiếp cắt nhưng vẫn không được. Th1 lấy xà beng cạy cửa và mọi người cùng xúm lại vừa cạy vừa xô cửa (loại cửa sắt kéo ngang), một lúc sau thì cửa đổ một bên. D3 và Ph khiêng phần cửa đổ ra ngoài đường trước nhà. Trong lúc mọi người cạy, xô cửa thì T đứng cầm cặp hồ sơ giấy tờ nhà đất, C thì đứng cầm điện thoại đi động quay phim. Sau khi cửa đổ thì mọi người đi vào trong nhà, Th tiếp tục yêu cầu ông Q và người trong nhà dọn đồ đạc trong nhà ra khỏi nhà. Nghe Th kêu vậy thì Ph, Th1, D3, T cùng

với Th khiêng đồ ra ngoài đường để. Th khiêng cái ghế gỗ ra trước, cả nhóm cùng khiêng ra ngoài được 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 tủ gỗ, 01 kệ nhựa đựng chén đĩa. Trong lúc nhóm của Th đang tiếp tục khiêng các vật dụng khác thì bị lực lượng Công an đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

- *Việc thu giữ, xử lý vật chứng:*

+ 01 cây gỗ hình trụ tròn dài 85cm, đường kính 2,8cm, màu nâu;

+ 01 cây búa dài 35cm, cán bằng gỗ, đầu búa bằng kim loại kích thước 4 x 4 x 11cm sơn màu đỏ;

+ 01 cây kìm cộng lực bằng kim loại dài 75cm, nhãn hiệu USA Standard, tay cầm bọc nhựa màu xanh;

+ 01 cây xà beng bằng kim loại màu đen dài 135,5cm, có một đầu nhọn, một đầu dẹp rộng 7cm;

+ 01 ổ khóa bằng kim loại màu trắng, nhãn hiệu BERRYLION, có 3 chìa khóa bằng kim loại màu trắng cùng nhãn hiệu;

+ 01 ổ khóa bằng kim loại màu vàng, nhãn hiệu VIET-TIEP, loại khóa cầu ngang, khoen khóa ngang bằng kim loại màu trắng, trên khoen khóa ngang có hai chốt khóa cửa bằng kim loại;

+ 04 cây xẻng bằng kim loại, lần lượt có chiều dài 108cm, 114,5cm, 119,5cm và 128 cm;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu XiaoMi Redmi, số loại Redmi 8, màu đen, số IMEI 860068040641033/01, 860068040641041/01, số seri c28a8000806, đã được niêm phong.

(Các tang vật trên đã nhập kho theo Phiếu nhập kho số 73/2022/PNK ngày 24/10/2022 của Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh Kiên Giang).

+ 01 xe ô tô Mazda, số loại CX-5, màu trắng, biển số 30E-440.64; 01 xe ô tô hiệu Chevrolet, số loại TRAILBLA, màu đen, biển số 60A-483.47 và một số đồ vật không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu.

Tại Cáo trạng số: 84/CT – VKSTKG – P1 ngày 17/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Phạm Thị Th, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Th1, Lê Hải Ph, Trần Ngọc D3 và Nguyễn Huy C về tội “*Xâm phạm chỗ ở của người khác*” theo điểm b khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2023/HS-ST ngày 29/5/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Thị Th, Nguyễn Văn Th1, Lê Hải Ph, Trần Ngọc D3 và Nguyễn Thanh T phạm tội “*Xâm phạm chỗ ở của người khác*”.

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 158, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Th 08 (tám) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022 đến ngày 25/6/2022.

2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 158, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Th1 07 (bảy) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022 đến ngày 25/6/2022.

3. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 158, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hải Ph 07 (bảy) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022 đến ngày 25/6/2022.

4. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 158, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc D3 07 (bảy) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022 đến ngày 25/6/2022.

5. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 158, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/5/2023).

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã HN, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử phạt bị cáo Nguyễn Huy C 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 29/5/2023, về tội “*Xâm phạm chỗ ở của người khác*” theo điểm b khoản 1 Điều 158, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định quyết định về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 09/6/2023, bị cáo Lê Hải Ph có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do: Bị cáo là lao động chính trong gia đình phải nuôi 02 con nhỏ, con lớn 07 tuổi và con nhỏ 04 tuổi; bố đẻ là người có công với cách mạng, có nhiều giấy khen và huân huy chương; mẹ đẻ đang bị ung thư giai đoạn 4; tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã cùng với các bị cáo khác đền bù cho bị hại số tiền 90.000.000 đồng và bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bản thân bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhân thân tốt, hiện đang bị bệnh tiểu đường nặng.

Ngày 09/6/2023, bị cáo Nguyễn Văn Th1 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do: Bị cáo là lao động chính trong gia đình phải nuôi con nhỏ 21 tháng tuổi; bị cáo có ông ngoại và bác ruột của mẹ đều là người có công với cách mạng; bị cáo có làm được một việc tốt là hỗ trợ cho người bị tai nạn trong trường hợp khẩn cấp và họ đã được cứu sống kịp thời; tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã cùng với các bị cáo khác đền bù cho bị hại số tiền 90.000.000 đồng và bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bản thân bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Ngày 12/6/2023, bị cáo Phạm Thị Th có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 12/6/2023, bị cáo Trần Ngọc D3 có đơn kháng cáo kêu oan yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại hành vi của bị cáo và thay đổi mức phạt 07 tháng tù giam về mức phạt hành chính là cảnh cáo.

Ngày 12/6/2023, bị cáo Nguyễn Thanh T có đơn kháng cáo kêu oan yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại hành vi của bị cáo và thay đổi mức phạt 06 tháng tù treo về mức phạt hành chính là cảnh cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thanh T xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn Th1 vẫn giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo. Bị cáo Phạm Thị Th kháng cáo kêu oan, có đơn xin hoãn phiên tòa và vắng mặt nhưng có Luật sư Nguyễn Sa L tham gia phiên tòa bào chữa cho bị cáo Th. Bị cáo Trần Ngọc D3 thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết và xác định lại kháng cáo của bị cáo là xin được hưởng án treo với lý do bị cáo là lao động chính trong gia đình có 07 (bảy) người, trong đó bị cáo phải nuôi 03 con nhỏ và bố mẹ già. Bị cáo Lê Hải Ph kháng cáo xin được hưởng án treo, vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát với nội dung như sau:

Vụ án này không xét xử đối với hợp đồng mua bán nhà đất giữa ông Đỗ Minh Q và bị cáo Phạm Thị Th. Vụ án này là vụ án hình sự xét xử đối với hành vi bị cáo Th lấy lý do cho rằng ông Q thiếu tiền thuê nhà nên đã kêu các bị cáo khác cùng nhau kéo đến căn nhà đang là chỗ ở của gia đình ông Q rồi dùng vũ lực đuổi ông Q và người nhà ông Q ra khỏi căn nhà này. Vì hành vi này, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thị Th và các đồng phạm phạm tội “*Xâm phạm chỗ ở của người khác*” theo điểm b khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, có căn cứ, đúng quy định pháp luật, không oan cho các bị cáo. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Th và các bị cáo đồng phạm là phù hợp, tương xứng với tính chất và mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo, đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thanh T tự nguyện xin rút kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo T theo quy định tại khoản 3 Điều 342 và khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo Phạm Thị Th kháng cáo kêu oan, các bị cáo Trần Ngọc D3, Lê Hải Ph và Nguyễn Văn Th1 kháng cáo xin được hưởng án treo, nhưng lý do kháng cáo của các bị cáo đều không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo này, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Sa L bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Th đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm dừng phiên tòa phúc thẩm để triệu tập ông Đỗ Minh Q và bị cáo Phạm Thị Th cùng tham gia phiên tòa, với lý do:

Trong vụ án này, cần phải làm rõ nhà đất thuộc thửa đất số 727, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại Tổ 2, ấp CTN, xã CD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang, là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ai.

Hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 24/11/2021, giữa bị cáo Th và ông Q đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này với giá 1.300.000.000 đồng tại Văn phòng Công chứng NK. Đến ngày 18/5/2022, bị cáo Th đã tiến hành xong thủ tục biến động sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất theo đúng như hợp đồng đã ký giữa hai bên. Tại thời điểm bị cáo Th thực hiện hành vi yêu cầu ông Q dọn hết đồ đạc ra khỏi nhà, để giao nhà cho bị cáo Th thì nhà đất tọa lạc tại Tổ 2, ấp CTN, xã CD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang, đã thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bị cáo Th; thời hạn bị cáo Th ký hợp đồng cho ông Q thuê nhà 03 (ba) tháng cũng đã hết, nhưng ông Q không chịu giao trả nhà đất này cho bị cáo Th theo hợp đồng đã ký cam kết. Qua đó có thể thấy, với hành vi như trên thì bị cáo Th không phạm tội “*Xâm phạm chỗ ở của người khác*”, nếu có chăng thì chỉ có thể là hành vi “*Vi phạm trật tự công cộng*” hoặc “*Hủy hoại tài sản của người khác*”.

Trong khi đó, việc điều tra, truy tố và xét xử vụ án của cấp sơ thẩm mới chỉ nghe theo lời khai của ông Q, chưa thẩm định giá nhà đất, chưa xem xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng và hợp đồng thuê nhà đã được ký giữa bị cáo Th và ông Q là chưa đảm bảo tính khách quan và toàn diện nên chưa đủ căn cứ quy kết bị cáo Th phạm tội “*Xâm phạm chỗ ở của người khác*”. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm dừng phiên tòa phúc thẩm để triệu tập ông Q và bị cáo Th cùng tham gia phiên tòa để đối chất, xét hỏi làm rõ việc mua bán nhà đất giữa ông Q và bị cáo Th để có đủ căn cứ giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm trình bày đối đáp: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng và hợp đồng thuê nhà giữa bị cáo Th và ông Q nếu có tranh chấp thì các bên phải khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án dân sự. Tuy nhiên, bị cáo Th không khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án dân sự mà lấy lý do cho rằng ông Q thiếu tiền thuê nhà rồi kêu các bị cáo khác cùng nhau kéo đến căn nhà đang là chỗ ở của gia đình ông Q dùng vũ lực đuổi trái pháp luật ông Q và người nhà ông Q ra khỏi căn nhà này. Với hành vi này, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Phạm Thị Th và các đồng phạm phạm tội “*Xâm phạm chỗ ở của người khác*” theo điểm b khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đã có đủ căn cứ, đúng quy định pháp luật, không oan cho các bị cáo. Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Th

đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm dừng phiên tòa phúc thẩm để triệu tập ông Q và bị cáo Th cùng tham gia phiên tòa với lý do nêu trên là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Th, Nguyễn Văn Th1, Lê Hải Ph, Trần Ngọc D3 và Nguyễn Thanh T nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thanh T tự nguyện xin rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo T theo quy định tại khoản 3 Điều 342 và khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự. Theo đó, các quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thanh T được xác định thuộc trường hợp không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

Bị cáo Phạm Thị Th có đơn xin hoãn phiên tòa, với lý do sức khỏe không được tốt đang trong quá trình điều trị tại bệnh viện đa khoa PQ, nhưng bị cáo đã có Luật sư Nguyễn Sa L bào chữa tham gia phiên tòa phúc thẩm; bị cáo Lê Hải Ph vắng mặt không có lý do. Nhận thấy sự vắng mặt của bị cáo Th và bị cáo Ph không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bị cáo này theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, các hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn Th1, Trần Ngọc D3 đã thừa nhận hành vi phạm tội đúng như xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đủ cơ sở xác định:

[2.1] Ngày 24/11/2021, ông Đỗ Minh Q có thể chấp cho Phạm Thị Th Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất tọa lạc tại Tổ 2, ấp CTN, xã CD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 là nơi cư trú của gia đình ông Q, với số tiền là 1.300.000.000 đồng, lãi suất 39.000.000

đồng/tháng, tương đương là 3% tháng. Để đảm bảo cho việc ông Q trả nợ, cùng ngày 24/11/2021 hai bên thống nhất đến Văn phòng Công chứng NK ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên với giá 1.300.000.000 đồng. Đồng thời, hai bên ký một Văn bản thỏa thuận là Phạm Thị Th cho ông Q thuê lại căn nhà với giá 39.000.000 đồng/tháng, thực chất đây là tiền đóng lãi thế chấp căn nhà. Từ tháng 02/2022, ông Q không có tiền đóng lãi nên đến ngày 18/5/2022 Th tiến hành làm thủ tục biến động sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên và nhiều lần yêu cầu ông Q cùng gia đình ra khỏi nhà để trả lại căn nhà cho Th nhưng ông Q không đồng ý.

[2.2] Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16/6/2022, bị cáo Phạm Thị Th kêu Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Th1, Lê Hải Ph, Trần Ngọc D3, Nguyễn Huy C đi đến nhà ông Q để dọn đồ đạc và đuổi ông Q cùng những người trong gia đình ra khỏi chỗ ở, để buộc ông Q giao nhà. Bị cáo Th dùng kim cộng lực cắt ổ khóa nhà ông Q, kêu những người đi cùng lấy xà beng cạy và xô cửa làm cửa đổ sang một bên. D3 và Ph khiêng phần cửa đổ ra ngoài đường trước nhà, T đứng cầm cặp hồ sơ giấy tờ nhà đất, C cầm điện thoại di động quay phim. Sau khi cửa đổ thì Ph, Th1, D3, T cùng với Th khiêng đồ dùng trong nhà ông Q ra ngoài đường để, Th khiêng cái ghế gỗ ra trước. Tài sản bị các bị cáo khiêng ra gồm 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 tủ gỗ, 01 kệ nhựa đựng chén đĩa.

[2.3] Như vậy, các bị cáo đã có hành vi đuổi trái pháp luật ông Q ra khỏi chỗ ở của ông Q cùng gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo Phạm Thị Th, Nguyễn Văn Th1, Lê Hải Ph, Trần Ngọc D3 phạm tội “*Xâm phạm chỗ ở của người khác*” theo điểm b khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật, không oan cho các bị cáo.

[2.4] Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Phạm Thị Th và không chấp nhận quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Th đề nghị tạm dừng phiên tòa phúc thẩm để triệu tập ông Q và bị cáo Th cùng tham gia phiên tòa để làm rõ việc mua bán nhà đất giữa hai bên.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của người bị hại được Hiến pháp và pháp luật bảo vệ. Mặc dù, không có sự bàn bạc, thỏa thuận từ trước nhưng khi bị cáo Th yêu cầu thì các bị cáo đồng phạm, trong đó có bị cáo Th1, Ph và D3 đã tiếp nhận ý chí và thống nhất giúp sức cho bị cáo Th, cùng bị cáo Th thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo có đầy đủ năng lực và nhận thức rõ hành vi xâm phạm chỗ ở của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện mang tính chất xã hội đen, thể hiện rõ sự coi thường pháp luật của các

bị cáo, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân, dư luận xã hội bất bình và lên án.

[3.1] Trong vụ án này, bị cáo Th là người giữ vai trò chính, khởi xướng việc phạm tội, chỉ huy, kêu gọi các bị cáo còn lại đến nhà bị hại nhằm mục đích đuổi người bị hại ra khỏi nhà. Bị cáo là người trực tiếp yêu cầu ông Q dọn ra khỏi nhà, dùng kim cộng lực cạy khóa cửa nhà và kêu gọi các bị cáo khác cùng vào khiêng đồ đạc ra khỏi nhà ông Q. Các bị cáo D3, Ph cùng với bị cáo Th cất ổ khóa nhà, bị cáo Th1 dùng xà beng cạy cửa, bị cáo D3 và bị cáo Ph còn khiêng phần cửa đổ ra ngoài đường trước nhà. Qua đó nhận thấy, trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Th1, Ph và D3 đã tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo Th.

[3.2] Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định xử phạt các bị cáo Phạm Thị Th 08 (tám) tháng tù, Nguyễn Văn Th1 07 (bảy) tháng tù, Lê Hải Ph 07 (bảy) tháng tù và Trần Ngọc D3 07 (bảy) tháng tù là tương xứng với tính chất và mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo, đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[3.3] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với từng bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn Th1, Lê Hải Ph và Trần Ngọc D3 kháng cáo xin được hưởng án treo, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên nhận thấy, do kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Th, Nguyễn Văn Th1, Lê Hải Ph và Trần Ngọc D3 là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Th, Th1, Ph và D3, giữ nguyên quyết định về hình sự của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

[5] Những ý kiến, quan điểm đề nghị của Luật sư bào chữa bị cho cáo Phạm Thị Th tại phiên tòa phúc thẩm là không phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[6] Các bị cáo Phạm Thị Th, Nguyễn Văn Th1, Lê Hải Ph và Trần Ngọc D3 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Bị cáo Nguyễn Thanh T rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, trong đó có quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thanh T, đã có hiệu lực pháp luật theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Căn cứ khoản 3 Điều 342, khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự.
Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh T.

2- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

2.1- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Th, Nguyễn Văn Th1, Lê Hải Ph và Trần Ngọc D3; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2023/HS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Thị Th (tên gọi khác: Phạm Thị Ng), Nguyễn Văn Th1, Lê Hải Ph và Trần Ngọc D3 phạm tội “*Xâm phạm chỗ ở của người khác*”.

2.1.1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 158, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Th (tên gọi khác: Phạm Thị Ng) 08 (tám) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022 đến ngày 25/6/2022.

2.1.2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 158, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Th1 07 (bảy) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022 đến ngày 25/6/2022.

2.1.3. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 158, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hải Ph 07 (bảy) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022 đến ngày 25/6/2022.

2.1.4. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 158, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc D3 07 (bảy) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022 đến ngày 25/6/2022.

2.2- Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo kháng cáo Phạm Thị Th (tên gọi khác: Phạm Thị Ng), Nguyễn Văn Th1, Lê Hải Ph và Trần Ngọc D3, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

3- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, trong đó có quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thanh T, đã có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 20 tháng 10 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Công an tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa, Yên Bái, Thành phố Hà Nội;
- Các bị cáo tại ngoại;
- Lưu: HS, VP, NTHN (33b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh